

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK**

Bản án số: 16/2025/HS-ST

Ngày: 23 - 12 - 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mười.

Ông Lê Văn Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2025/TLST - HS, ngày 24 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/HSST-QĐ ngày 11/12/2025 với các bị cáo:

1. Họ tên: Phạm Xuân L - Sinh năm 1968 tại: Tỉnh Hưng Yên; Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Xuân L1, sinh năm 1948; Con bà: Phạm Thị L2, sinh năm 1950 (đã chết); Vợ: Phạm Thị L3, sinh năm 1972; Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo, bị dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2025 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: Phạm Thị L3 - Sinh năm 1972 tại: Tỉnh Hưng Yên; Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T, sinh năm 1933 (Đã chết); Con bà: Phạm Thị D, sinh năm 1933 (Đã chết); Chồng: Phạm Xuân L, sinh năm 1968; Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo, bị dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2025 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ tên: Nguyễn Văn C - Sinh năm 1980 tại: phường A, tỉnh Gia Lai; Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Minh P, sinh năm 1954; Con bà: Ngô Thị Đ, sinh năm

1956; Vợ: Lê Thị L4, sinh năm 1984; Con: có 04 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2021, bị Công an xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Tại Quyết định số 665/QĐ-XPHC ngày 21/9/2021 (đã chấp hành xong nội dung của quyết định).

Bị cáo, bị dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/6/2025 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ tên: Lê Thị L4 - Sinh năm 1984 tại: xã H, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn G, sinh năm 1967; Con bà: Nguyễn Thị Kim L5, sinh năm 1968; Chồng: Nguyễn Văn C, sinh năm 1980; Con: có 04 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/01/2024, bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt số tiền 60.000.000 đồng, về tội “Mua bán trái phép hoá đơn”. Tại bản án số 02/2024/HS-ST (đã chấp hành xong vào ngày 26/02/2024).

Bị cáo, bị dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/6/2025 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ tên: Trịnh Bá G1 - Sinh năm 1964 tại: xã T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Bá T1, sinh năm 1926 (chết); Con bà: Trịnh Thị C1, sinh năm 1930 (chết); Vợ: Hà Thị T2, sinh năm 1965; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/01/2015, Trịnh Bá G1 đã bị Công an thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 3.000.000 đồng về hành vi chuyển lâm sản trái phép", tại Quyết định số 11/XPHC. Ngày 29/8/2016, Trịnh Bá G1 đã bị Toà án nhân dân huyện Krông Năng Đắk Lắk, xử phạt 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, tại Bản án số 69/HS-ST. Ngày 17/01/2024, bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 100.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hoá đơn”, tại Bản án số 02/2024/HS-ST (đã chấp hành xong các quyết định của bản án).

Bị cáo, bị dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/9/2025 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chi cục Thuế khu vực B - K, (Nay là Thuế cơ sở 4, tỉnh Đắk Lắk). (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Phường B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Nguyễn Long K - sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Địa chỉ: TDP H, xã P, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Trần Thị Đ1 - sinh năm 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: TDP F, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Bà Đinh Thị L6 - sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 1 T, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Ông Lê Văn C2 - sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Địa chỉ: A L, phường T, tỉnh Đắk Lắk.
6. Ông Nguyễn Văn M - sinh năm 1992 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã K, tỉnh Đắk Lắk.
7. Ông Nguyễn Trí T3 (Vắng mặt)
Địa chỉ: xã T, tỉnh Thanh Hóa.
8. Bà Phạm Thị H - sinh năm 1983 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện việc kiểm tra thuế hàng năm, Chi cục Thuế khu vực B - K (nay là T tỉnh Đắk Lắk) phát hiện từ năm 2018 đến năm 2020 các doanh nghiệp trên địa bàn huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có hành vi mua, sử dụng hóa đơn không hợp pháp của Công ty TNHH T6 (viết tắt là: Công ty T6) và Công ty TNHH T6 (viết tắt là: Công ty T6), địa chỉ: Thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (nay là xã C, tỉnh Lâm Đồng) nhằm mục đích trốn thuế, bao gồm: Công ty TNHH X (viết tắt là: Công ty X); Công ty TNHH X1 (viết tắt là: Công ty X1); Công ty cổ phần T7 (viết tắt là: Công ty T7); Công ty TNHH một thành viên X2 (viết tắt là: Công ty X2) và Công ty TNHH T8 (viết tắt là: Công ty T8).

Ngày 18/11/2024, Chi cục Thuế khu vực B - Krông Năng có Công văn số: 629/CHS-CCTKV, về việc chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk để xác minh xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định hành vi của các đối tượng trong các công ty thể hiện cụ thể như sau:

Đối với Công ty X1: Được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ (Nay là Sở tài chính tỉnh Đ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 6001568389; Đăng ký lần đầu: ngày 24/02/2017; Đăng ký thay đổi lần thứ nhất: ngày 15/3/2024; Địa chỉ trụ sở chính tại thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn L, xã K, tỉnh Đắk Lắk); Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Xuân L (sinh năm 1968, trú tại thôn L, xã K); Ngành nghề đăng ký kinh doanh: xây dựng, cầu đường.

Cơ cấu nhân sự gồm: ông Phạm Xuân L - Giám đốc, chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh và điều hành thanh quyết toán các nguồn tài chính, ngân sách và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của Công ty X1; ông Nguyễn Long K (sinh năm 1959, trú tại TDP H, xã P, tỉnh Đắk Lắk) làm kế toán và bà Phạm Thị L3 (sinh năm 1972; HKTT: Thôn L, xã K, tỉnh Đắk Lắk; vợ của ông L) là người quản lý vật tư các công trình xây dựng.

Từ năm 2019 đến năm 2020, mặc dù Công ty X1 không có hoạt động mua bán hàng hoá dịch vụ gì với Công ty T6 và Công ty T6, nhưng bà Phạm Thị L3 đã liên hệ với các đối tượng Trần Thị Đ1 (sinh năm 1983, trú tại TDP E, phường B,

tỉnh Đắk Lắk) và Đinh Thị L6 (sinh năm 1986; trú tại 1 T, phường B, tỉnh Đắk Lắk) để mua 26 tờ hoá đơn giá trị gia tăng (GTGT). Trong đó: mua của Công ty T6 05 tờ hoá đơn GTGT, có giá trị thành tiền đã bao gồm thuế GTGT là 663.371.282 đồng và mua của Công ty T6 21 tờ hoá đơn GTGT, có giá trị thành tiền đã bao gồm thuế GTGT là 2.482.158.175 đồng.

Sau đó, được sự đồng ý của Luật nên L3 đã sử dụng 26 tờ hoá đơn GTGT đã mua được nêu trên để kê khai, báo cáo thuế đầu vào cho doanh nghiệp; đã kê khai, khấu trừ thuế quý 3, quý 4 của năm 2019; quý 3, quý 4 của năm 2020 và kê khai chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019, năm 2020. Sau đó, Công ty X1 đã kê khai bổ sung thuế GTGT quý 3, quý 4 của năm 2019 và quý 3, quý 4 của năm 2020 và nộp tiền thuế GTGT số tiền 285.915.859 đồng và nộp số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) năm 2019 và năm 2020, với số tiền 294.184.412 đồng. Theo kết luận giám định tổng số tiền trốn thuế là 581.900.271 đồng.

Đối với Công ty T7: Được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ (Nay là Sở tài chính tỉnh Đ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần S1: 6001135836, đăng ký lần đầu ngày 26/01/2011; Đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 25/11/2011; Đăng ký thay đổi lần thứ hai, ngày 10/05/2016; Đăng ký thay đổi lần thứ ba, ngày 08/9/2023. Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn T, xã K, tỉnh Đắk Lắk). Vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng. Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn C (sinh năm 1980; Trú tại thôn T, xã K, tỉnh Đắk Lắk); Về mặt pháp lý, Công ty T7 có 03 thành viên góp vốn. Trong đó: Nguyễn Văn C góp 600.000.000 đồng, chiếm 60% vốn điều lệ, Lê Văn C2 (là em vợ của C, sinh năm 1986; Trú tại A, L, phường T, tỉnh Đắk Lắk) góp 300.000.000 đồng, chiếm 30% vốn điều lệ và Nguyễn Văn M (là em ruột của C, sinh năm 1992; Trú tại: Thôn T, xã K, tỉnh Đắk Lắk) góp 100.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ. Ngành nghề đăng ký kinh doanh: xây dựng, mua bán vật liệu.

Tuy nhiên trên thực tế, C2 và M không biết và không tham gia vào mọi hoạt động của công ty mà chỉ được vợ chồng C nhờ đứng tên làm cổ đông của Công ty T7 trên giấy tờ, không được hưởng lợi gì trong hoạt động kinh doanh của Công ty T7. Nguyễn Văn C - Giám đốc, chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh và thanh quyết toán các nguồn tài chính, ngân sách và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của Công ty T7; Lê Thị L4 (vợ của Nguyễn Văn C) làm kế toán từ năm 2011, có nhiệm vụ theo dõi hàng hoá nhập vào, bán ra của Công ty T7. Nhập số liệu hàng hoá nhập vào, bán ra của Công ty trên phần mềm kế toán. Đến kỳ thanh toán thuế theo quý hàng năm thì tổng hợp hồ sơ mua bán hàng hoá, các hoạt động tài chính, kế toán của Công ty T7 để lập hồ sơ kê khai, báo cáo thuế, thanh quyết toán và nộp thuế.

Năm 2020, Công ty T7 đã mua vật liệu xây dựng để thi công các công trình đường giao thông nông thôn tại huyện K, nhưng đơn vị bán hàng không cung cấp được hoá đơn GTGT. Để hợp thức hoá đối với hàng hoá đầu vào không có hoá đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc hợp pháp, L4 đã tự liên hệ với Trần Thị Đ1 (sinh năm 1983; Trú tại TDP F, phường B, tỉnh Đắk Lắk) để mua 11 hoá đơn GTGT, cụ thể: mua của Công ty T6 09 hoá đơn GTGT và Công ty T6 02 hoá đơn

GTGT, với giá trị hàng hoá bao gồm cả thuế GTGT là 793.100.000 đồng, tiền thuế GTGT là 72.100.000 đồng (việc L4 liên hệ mua hoá đơn nêu trên thì C, C2 và M không biết). Sau đó, L4 đã báo cáo về việc mua hoá đơn không kèm theo hàng hoá để khai báo cáo thuế và được C đồng ý nên đã sử dụng 11 hoá đơn GTGT nói trên để kê khai, báo cáo thuế đầu vào cho Công ty T7 và được Chi cục Thuế khu vực B - Krông Năng duyệt cho quyết toán với tổng số tiền chưa thuế là 721.000.000 đồng, sau đó được khấu trừ thuế GTGT 72.100.000 đồng và giảm thuế TNDN 100.940.000 đồng. Theo kết luận giám định tổng số tiền trốn thuế là 173.040.000 đồng.

Quá trình điều tra, xác định: Ngày 09/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Thị L4 về tội: Mua bán trái phép hoá đơn, quy định tại khoản 1 Điều 203 BLHS. Tại Bản kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự số 36/BKL-CSKT, ngày 18/6/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ xác định C không đồng phạm với L4 về tội: Mua bán trái phép hoá đơn. Đến ngày 17/01/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã xử phạt Lanh số tiền 60.000.000 đồng. Sau đó, Công ty T7 đã kê khai bổ sung, khắc phục nộp lại số tiền 173.040.000 đồng (gồm thuế GTGT: 72.100.000 đồng và thuế TNDN: 100.940.000 đồng).

Đối với Công ty T8: Được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ (Nay là Sở Tài chính tỉnh Đ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 6000523547; Đăng ký lần đầu ngày 21/12/2005; Đăng ký thay đổi lần 1 ngày 09/01/2008; Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 05/01/2011; Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 13/12/2018; Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/01/2025; Đăng ký thay đổi lần 5 ngày 28/3/2025; Địa chỉ trụ sở tại thôn T, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Vốn điều lệ 1.950.000.000 đồng, trong đó: ông Trịnh Bá G1 góp vốn 1.250.000.000 đồng, chiếm 64,1%; ông Nguyễn Trí T3 góp vốn 700.000.000 đồng, chiếm 35,9% (đến ngày 06/01/2025, ông T3 chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho Trịnh Bá T4). Người đại diện theo pháp luật là ông Trịnh Bá G1 (sinh ngày 24/10/1964; CMND số 241154084, cấp ngày 12/01/2007, nơi cấp Công an tỉnh Đ), làm Giám đốc. Ngành nghề đăng ký kinh doanh: xây dựng, mua bán vật liệu.

Từ năm 2018 đến năm 2020, Công ty T8 có mua hàng hoá (cát, đá) nhưng không có hoá đơn GTGT kèm theo. Do vậy, Trịnh Bá G1 đã liên hệ với Trần Thị Đ1 để mua 10 hoá đơn GTGT, cụ thể mua của Công ty T6 05 hoá đơn GTGT và mua của Công ty T6 05 hoá đơn GTGT, với tổng giá trị tiền hàng hoá bao gồm cả thuế GTGT là 1.418.989.972 đồng, tiền thuế GTGT là 128.999.088 đồng. Sau đó, Trịnh Bá G1 đã đưa cho Phạm Thị H (sinh năm 1993; trú tại thôn T, xã K, tỉnh Đắk Lắk; Kế toán của Công ty T8) 08 hoá đơn GTGT nêu trên để kê khai thuế đầu vào, thanh quyết toán thuế vào quý 4 của năm 2018; quý 1, quý 4 của năm 2019; quý 1, 2, 3, 4 của năm 2020, kê khai chi phí tính thuế TNDN từ năm 2018 đến năm 2020 và đã trốn thuế với tổng số tiền 260.997.266 đồng (Trong đó: Năm 2018 là 25.068.936 đồng; Năm 2019 là 69.126.332 đồng; Năm 2020 là 166.801.998 đồng). Theo kết luận giám định thì tổng số tiền trốn thuế là 260.997.266 đồng.

Ngày 09/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Trịnh Bá G1 về tội: Mua bán trái phép hoá đơn, quy định tại

khoản 1 Điều 203 BLHS. Đến ngày 17/01/2024, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã xử phạt Trịnh Bá G1 số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó, Công ty T8 đã kê khai bổ sung thuế GTGT và nộp tiền thuế GTGT: 98.999.089 đồng và thực hiện nộp bổ sung tờ khai quyết toán thuế TNDN của các năm 2018, 2019, 2020 với số tiền 161.998.177 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số: 674/CCKV14-TTKT3-KG của Chi cục Thuế khu vực X3 xác định: Việc Công ty T7 sử dụng 11 hóa đơn GTGT của Công ty T6, Công ty T6 để kê thuế là hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội. Số tiền trốn thuế: 173.040.000 đồng, cụ thể: Thuế GTGT: 72.100.000 đồng; trong đó: Quý 2/2020: 22.050.000 đồng, quý 3/2020: 37.800.000 đồng, quý 4/2020: 12.250.000 đồng. Thuế TNDN năm 2020: 100.940.000 đồng.

- Việc Công ty T8 sử dụng 08 hoá đơn GTGT của Công ty T6 và Công ty T6 để kê khai thuế là hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ, Điều 108 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội và Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội. Số tiền thuế trốn: 260.997.266 đồng, cụ thể: Thuế GTGT: 98.999.089 đồng, trong đó: Quý 4/2018: 7.070.759 đồng, quý 1/2019: 1.928.330 đồng, quý 4/2019: 7.198.002 đồng, quý 1/2020: 14.817.099 đồng, quý 2/2020: 7.984.899 đồng, quý 3/2020: 30.000.000 đồng, Q 4/2020: 30.000.000 đồng. Thuế TNDN: 161.998.177 đồng, trong đó: Năm 2018: 17.998.177 đồng, năm 2019: 60.000.000 đồng, năm 2020: 84.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 1013/KLGD-DLA ngày 03/10/2025 và Bổ sung Kết luận giám định số 1125/KLGD-DLA ngày 15/10/2025, của Thuế tỉnh Đ, xác định: Việc Công ty X1 sử dụng 26 hóa đơn GTGT của Công ty T6 và Công ty T6 để kê khai thuế là hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ, Điều 108 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội và Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội. Số tiền thuế trốn: 581.900.271 đồng, cụ thể: Thuế GTGT: 285.915.859 đồng, trong đó vào kỳ tính thuế: Quý 3/2019 là: 16.481.872 đồng, Q 4/2019 là: 58.016.550 đồng, Q 3/2020 là: 74.280.562 đồng, Q 4/2020 là: 137.136.875 đồng. Thuế TNDN: 295.984.412 đồng, trong đó vào kỳ tính thuế: Năm 2020 là: 295.974.412 đồng.

Tại Cáo trạng số: 04/CT-VKS- KV10 ngày 20/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Phạm Xuân L, Phạm Thị L3 về tội: Trốn thuế, quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự, Nguyễn Văn C, Lê Thị L4 và Trịnh Bá G1, về tội: Trốn thuế, quy định tại khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Đắk Lắk sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phạm Xuân L, Phạm Thị L3, Nguyễn Văn C, Lê Thị L4 và Trịnh Bá G1 theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Xuân L, Phạm Thị L3, Nguyễn Văn C, Lê Thị L4 và Trịnh Bá G1 phạm tội “Trốn Thuế”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200, điểm b, i và s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân L từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị L3 từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 200; điểm b, i và s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Lê Thị L4 từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Trịnh Bá Giới T5 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

Các biện pháp tư pháp: Không

Các vấn đề khác đề nghị HĐXX chấp nhận như nội dung tại bản Cáo trạng.

Các bị cáo Phạm Xuân L, Phạm Thị L3, Nguyễn Văn C, Lê Thị L4 và Trịnh Bá G1 không tranh luận nội dung gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trưng tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Đắk Lắk và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi của mình đã thực hiện. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Vì vậy, có đủ căn cứ kết luận: Do có ý thức coi thường pháp luật, coi thường trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, nên vào khoảng thời gian Năm 2020, mặc dù Công ty X1 không có hoạt động mua bán hàng hoá dịch vụ gì với Công ty T6 và Công ty T6, nhưng Phạm Thị L3 đã liên hệ và mua 26 tờ hoá đơn GTGT của Công ty T6 và Công ty T6 để hợp thức hóa đối với số hàng hóa không rõ nguồn gốc. Sau đó, được sự đồng ý của Phạm Xuân L, L3 đã sử dụng 26 tờ hoá đơn GTGT nêu trên, để kê khai, báo cáo thuế đầu vào và kê khai chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020. Tổng số tiền trốn thuế là 581.900.271 đồng.

Năm 2020, Công ty T7 đã mua vật liệu xây dựng để thi công các công trình đường giao thông nông thôn tại huyện K, nhưng đơn vị bán hàng không cung cấp được hoá đơn GTGT nên Lê Thị L4 đã liên hệ mua 11 hóa đơn GTGT của Công ty T6 và Công ty T6 để hợp thức hóa đối với hàng hoá đầu vào không có hoá đơn,

chứng từ chứng minh nguồn gốc hợp pháp. Sau đó, L4 đã báo cáo và được Nguyễn Văn C đồng ý nên đã sử dụng 11 hoá đơn GTGT nói trên để kê khai, báo cáo thuế đầu vào cho Công ty T7 và để được khấu trừ thuế GTGT và giảm thuế TNDN. Tổng số tiền trốn thuế là 173.040.000 đồng.

Năm 2020, với cương vị là Giám đốc trực tiếp chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của Công ty T8, Trịnh Bá G1 đã mua hàng hoá (cát, đá) nhưng không có hoá đơn GTGT kèm theo nên đã mua 10 hoá đơn GTGT của Công ty T6 và của Công ty T6 để hợp thức hoá. Sau đó, Trịnh Bá G1 đã sử dụng 08 hoá đơn GTGT nêu trên để kê khai thuế đầu vào, kê khai chi phí tính thuế TNDN và đã trốn thuế với số tiền là 166.801.998 đồng.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 200 Bộ luật Hình sự.

“Điều 200 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng, đã bị xử phạt hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

d. Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

b) Số tiền trốn thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Phạm Xuân L, Phạm Thị L3 về tội: Trốn thuế, quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự, Nguyễn Văn C, Lê Thị L4 và Trịnh Bá G1, về tội: Trốn thuế, quy định tại khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước mà cụ thể là chế độ quản lý về việc thu thuế, làm giảm thu ngân sách nhà nước, gây dư luận xấu trong nhân dân. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi, nên các bị cáo đã sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để làm tăng số tiền thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ số tiền phải nộp. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Đối với bị cáo L, bị cáo L3 đã trốn thuế với số tiền 558.360.000 đồng, do đó hai bị cáo L, L3 phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác trọng vụ án. Bị cáo G1 trốn thuế với số tiền 166.801.998 đồng và có nhân thân xấu, do đó bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi của mình. Bị cáo C, L4 đã trốn thuế 173.040.000 đồng, do đó các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi của mình gây ra. .

[4] Về tình tiết tăng nặng, trách nhiệm hình sự: Không

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo L, bị cáo L3 đã chủ động nộp toàn bộ số tiền khắc phục hậu quả là 581.900.271 đồng; Bị cáo C, L4 đã chủ động nộp toàn bộ tiền khắc phục hậu quả là 173.040.000 đồng; Bị cáo G1 đã chủ động nộp toàn bộ tiền khắc phục hậu quả là 166.801.998 đồng. Bị cáo Trịnh Bá G1 là người dân tộc thiểu số. Bị cáo L3 bị bệnh ung thư. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử cần áp dụng khi lượng hình đối với các bị cáo.

Từ những phân tích trên: Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk không phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần mức hình phạt tiền cũng đủ răn đe các bị cáo là phù hợp nên chấp nhận đề của đại diện Viện kiểm sát. Vì vậy, căn cứ Điều 35 Bộ luật hình sự để xử phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2024/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này.

[7] Các vấn đề khác:

[.1] Đối với hành vi trốn thuế của Trịnh Bá G1: Năm 2018 trốn thuế với số tiền 25.068.936 đồng. Năm 2019 trốn thuế với số tiền 69.126.332 đồng. Chưa đủ yếu tố cấu thành tội: Trốn thuế, theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 200 BLHS, đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính (công ty đã nộp lại số tiền thuế đã trốn). Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ không đề nghị xử lý là đúng quy định.

[7.2] Đối với hành vi trốn thuế của Phạm Xuân L, Phạm Thị L3: Năm 2019, Công ty X1 trốn thuế GTGT với tổng số tiền 74.498.422 đồng, chưa đủ yếu tố cấu thành tội: Trốn thuế, theo quy định tại Khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự và đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính (công ty đã nộp lại số tiền thuế đã trốn). Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ không xử lý là đúng quy định.

[7.3] Đối với bà Phạm Thị H là kế toán của Công ty T8, ông Nguyễn Trí T3 là thành viên góp vốn của Công ty T8; Ông Nguyễn Long K - Kế toán của Công ty X1; ông Lê Văn C2 và ông Nguyễn Văn M là thành viên được ghi trên giấy tờ của Công ty T7. Quá trình điều tra xác định: Bà H, ông T3, ông K, ông C2 và ông M không biết về việc các bị cáo đã sử dụng hóa đơn bất hợp pháp không kèm hàng hóa để trốn thuế, những người này không được hưởng lợi gì từ hành vi trốn thuế của bị cáo nên không xem xét, xử lý là đúng quy định.

[7.4] Đối với hành vi mua bán hóa đơn trái phép của Phạm Thị L3, Đinh Thị L6, Trần Thị Đ1, Nguyễn Đình V, Doãn Đình Đ2, Nguyễn Thị Thanh H1, Trần Văn S: Thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L (trước đây là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ) đã ra quyết định tách vụ án số 109 ngày 02/10/2023 để điều tra xử lý theo quy định và được nhận định trong bản án số 02 ngày 17/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông việc tách vụ án để điều tra là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ nhận định hành vi mua bán hóa đơn Phạm Thị L3 và các đối tượng

liên quan đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là không đúng quy định của pháp luật Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, tỉnh Đắk Lắk đã có công văn số 01 ngày 23/10/2025 yêu cầu Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ chuyển các tài liệu liên quan đến hành vi mua bán hóa đơn của Phạm Thị L3 và các đối tượng liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L (trước đây là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ) để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[7.5] Đối với Công ty X2: Năm 2019, Công ty X2 có mua vật liệu xây dựng (cát, đá) để kinh doanh, nhưng đơn vị bán hàng không cung cấp được hoá đơn GTGT, nên Nguyễn Đình N đã mua 05 hoá đơn GTGT của Công ty T6 và 05 hoá đơn GTGT của Công ty T6. Sau đó, N và Nguyễn Đình N1 đã sử dụng 06 hoá đơn GTGT để kê khai thuế GTGT, thuế TNDN các năm 2019, 2020 và đã trốn thuế với tổng số tiền: 158.300.647 đồng (Trong đó: Năm 2019, trốn thuế TNDN 82.727.726 đồng; Năm 2020, trốn thuế TNDN 59.818.181 đồng, chưa đủ yếu tố cấu thành tội: Trốn thuế, theo quy định tại Khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự, nay đã hết thời hiệu xử lý hình sự (Công ty đã nộp khắc phục đối với số tiền thuế đã trốn). Năm 2022, trốn thuế GTGT là 15.754.740 đồng, chưa đủ yếu tố cấu thành tội: Trốn thuế, theo quy định tại Khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự. Ngày 20/10/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ đã ban hành công văn số 4416/CSKT(Đ2), về việc đề nghị Thuế cơ sở 4 tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

[7.6] Đối với Công ty X: Từ năm 2018 đến năm 2019, Công ty X do ông Nguyễn Ngọc H2 làm người đại diện theo pháp luật, có mua vật liệu xây dựng và thuê xe ben để thi công các công trình nhưng người bán vật liệu, người cho thuê xe không xuất được hoá đơn GTGT nên đã mua và sử dụng 03 hoá đơn GTGT của Công ty T6 để kê khai khấu trừ thuế. Tổng số tiền trốn thuế là 219.300.000 đồng. Tính đến thời điểm có kết luận giám định thì đã hết thời hiệu xử lý hình sự, nên Cơ quan điều tra không xử lý mà ban hành công văn số 4416/CSKT(Đ2) ngày 20/10/2025 về việc đề nghị Thuế cơ sở 4 tỉnh Đắk Lắk có biện pháp xử lý để truy thu đối với số tiền thuế đã trốn là có căn cứ.

[7.7] Đối với Công ty TNHH T6 (viết tắt là: Công ty T6) và Công ty TNHH T6 (viết tắt là: Công ty T6). Đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2024/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố:* Các bị cáo Phạm Xuân L, Phạm Thị L3, Nguyễn Văn C, Lê Thị L4 và Trịnh Bá G1 phạm tội “*Trốn Thuế*”

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 35 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Xuân L 325.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị L3 325.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

+ Áp dụng: khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Bá G1 225.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 175.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.
- Xử phạt bị cáo Lê Thị L4 số tiền 175.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

2. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Phạm Xuân L, Phạm Thị L3, Nguyễn Văn C, Lê Thị L4 và Trịnh Bá G1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

3. *Quyền kháng cáo:* Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAT (PV06);
- VKSND Khu vực 10 - Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Thuận